

GIÁ TRỊ GIÁO HUẤN VÀ PHÊ PHÁN CỦA TỤC NGỮ TIẾNG HÀN CÓ YẾU TỐ CHỈ TRÂU/BÒ (LIÊN HỆ VỚI TIẾNG VIỆT)

Hoàng Thị Hải Anh^{1*}

¹*Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hạ Long*

* *Email: hoangthihaianh@daihochalong.edu.vn*

Ngày nhận bài: 29/04/2022

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 11/06/2022

Ngày chấp nhận đăng: 25/06/2022

TÓM TẮT

Bài viết sử dụng phương pháp miêu tả, phân tích thành tố nghĩa kết hợp với các thao tác phân tích, tổng hợp, dịch văn học, so sánh với đối tượng nghiên cứu là 573 đơn vị tục ngữ có yếu tố chỉ trâu/bò. Giá trị giáo huấn, truyền kinh nghiệm của các đơn vị tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ trâu/bò thể hiện ở việc đề cao đạo lý làm người, bài học đạo đức, thái độ ứng xử, những kinh nghiệm lao động sản xuất được người xưa đúc kết và lưu truyền. Bên cạnh đó, giá trị phê phán cái ác, đả kích mặt tiêu cực, châm biếm thói hư tật xấu cũng được thể hiện rõ nét và sâu sắc. Việc liên hệ với tục ngữ, ca dao tiếng Việt có yếu tố chỉ trâu/bò cũng cho thấy có khá nhiều nét tương đồng trong ngôn ngữ và văn hóa của hai dân tộc.

Từ khóa: giá trị giáo huấn, giá trị phê phán, trâu/bò, tục ngữ tiếng Hàn

THE EDUCATIONAL AND CRITICAL VALUE OF KOREAN PROVERBS CONTAINING THE ELEMENT OF BUFFALO/COW (LINKING WITH VIETNAMESE PROVERBS)

ABSTRACT

This article uses methods of describing and analyzing semantic elements combined with comparison, meta-analysis, literary translation, etc. for a research subject of about 573 units of Korean proverbs. The value of educating and imparting experience of Korean proverbial units with the element of buffalo/cow is reflected in the upholding of human morality, moral lessons, attitudes, and productive labor experiences that was extracted and handed down by the ancients. Additionally, the value of criticizing the evils, lashing out on the negative side, and satirizing bad habits are also clearly and deeply expressed. The link with Vietnamese proverbs and folk songs containing the element of buffalo/ cow also shows that there are many similarities in the language and culture of the two countries.

Keywords: buffalo/cattle, Korean proverb, the value of educating, the value of criticizing

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trâu/bò là loài vật thân thiết, gắn bó với nông dân, nông nghiệp, nông thôn. Từ xa xưa, người nông dân Việt Nam và Hàn Quốc đã sử dụng con trâu/bò trong công việc đồng

áng để gia tăng sản lượng lúa gạo hoa màu vì so với sức người, dùng trâu/bò cày bừa đất sẽ xới đất được sâu hơn. Con trâu, con bò đã trở thành “đầu cơ nghiệp”, là khối tài sản vật chất quý báu và không lồ của nhà nông. Bởi vậy,

người Việt có câu: “Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà. Trong ba việc ấy thật là khó thay”. Trong ba việc lớn và hệ trọng nhất của đời người, đứng đầu là “tậu trâu”. Trâu/bò đối với người nông dân là gia tài quý giá nhất và cũng là nguồn sống của người nông dân. Không những vậy, vốn là con vật có mối quan hệ gần gũi, mật thiết với cuộc sống nông nghiệp của con người, trong văn hóa của người Hàn Quốc, trâu/bò còn được coi như là một thành viên trong gia đình với những đức tính tốt như chăm chỉ, ôn hòa, mạnh khỏe, không dữ tợn mà thuần chủng. Những đức tính tốt này của trâu/bò đã đi sâu vào tâm tư tình cảm, góp phần tạo nên nhiều quan điểm về nhân sinh quan, giá trị quan, thế giới quan và một số phong tục, tập quán đặc trưng của người Hàn Quốc. Bên cạnh đó, những thói xấu của trâu/bò cũng được người Hàn Quốc đề cập trong sự liên hệ, so sánh giữa vị thế là vật nuôi với vị thế của tầng lớp người lao động nghèo khổ hoặc phê phán những thói xấu của con người. Điều này có thể dễ dàng tìm thấy thông qua các câu tục ngữ của Hàn Quốc có yếu tố chỉ trâu/bò.

Trong phạm vi của bài viết này, chúng tôi lựa chọn khảo sát và nghiên cứu tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ trâu/bò vì trâu/bò là một trong số động vật xuất hiện nhiều nhất trong các câu tục ngữ của Hàn Quốc về 12 con giáp. Nghiên cứu của tác giả Song Jae Seun (1997) đã thống kê có 3498 đơn vị tục ngữ chỉ động vật 12 con giáp, được phân bố như sau: tục ngữ có yếu tố chỉ con chuột là 189 đơn vị, con trâu/bò là 573 đơn vị, con hổ là 443 đơn vị, mèo/thỏ là 196/50 đơn vị, con rồng là 97 đơn vị, con rắn là 51 đơn vị, con ngựa là 361 đơn vị, con dê/cừu là 24/20 đơn vị, con khỉ là 25 đơn vị, con gà là 263 đơn vị, con chó là 986 đơn vị, con lợn là 220 đơn vị (Hoàng Thị Yến & Hoàng Thị Hải Anh, 2019). Như vậy, tục ngữ có yếu tố chỉ con trâu/bò đứng ở vị trí thứ hai với tỉ lệ 16,4%. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về tục ngữ liên quan đến động vật, trong đó bao gồm cả các công trình nghiên cứu đối chiếu tục ngữ tiếng Hàn và tiếng Việt tiêu biểu như Lê Thị Thu Hương (2015), Sơn Sun Yeong (2015)... Cùng với đó, có thể kể đến một số nghiên cứu về hình ảnh con

trâu/bò trong tục ngữ tiếng Hàn như: “Hình ảnh con trâu/bò (𪛗 so) trong tục ngữ tiếng Hàn, tiếng Việt (từ góc nhìn văn hóa nông nghiệp)” (Hoàng Thị Yến và Bùi Thị Thúy Nga, 2021), “Tam quan của người Hàn Quốc qua tục ngữ có yếu tố chỉ con trâu/bò” (Hoàng Thị Yến, 2021), “Hình ảnh biểu trưng mang sắc thái tiêu cực của con giáp là vật nuôi trong tục ngữ tiếng Hàn và tiếng Việt” (Hoàng Thị Yến và nnk., 2021)... Tuy nhiên, phần nghiên cứu về giá trị giáo huấn và phê phán của tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ trâu/bò hiện vẫn còn bỏ ngỏ. Do vậy, chúng tôi mong muốn làm rõ những giá trị này với hy vọng các kết quả nghiên cứu sẽ góp phần làm phong phú thêm nguồn tài liệu tham khảo về ngôn ngữ và văn hóa Hàn – Việt, giúp những người đang học tập và nghiên cứu về văn hóa nói chung và tục ngữ hai nước nói riêng có cái nhìn sâu sắc hơn về văn hóa hai nước thông qua tục ngữ, từ đó ứng dụng để đạt được những hiệu quả và thành công hơn trong giao tiếp liên văn hóa Hàn – Việt.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong bài viết này, chúng tôi thực hiện khảo sát nguồn ngữ liệu là 573 đơn vị tục ngữ tiếng Hàn; sử dụng phương pháp miêu tả kết hợp với dịch ngữ nghĩa, phân tích thành tố nghĩa ... nhằm làm rõ giá trị giáo huấn, phê phán của tục ngữ có yếu tố chỉ trâu/bò. Chúng tôi cũng khảo sát các đơn vị tục ngữ tiếng Việt có yếu tố chỉ con trâu/bò (thu thập từ các công trình của Hoàng Văn Hành, 2003; Vũ Ngọc Phan, 2008; Nguyễn Lân, 2016; Beon Loma, 2009...) để thực hiện thao tác liên hệ, so sánh, nhằm tìm ra những nét tương đồng và khác biệt về hình ảnh và giá trị biểu trưng của tục ngữ hai nước có yếu tố chỉ trâu/bò.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Giá trị giáo huấn, truyền kinh nghiệm

3.1.1. Giá trị giáo huấn

Giá trị giáo huấn thường truyền tải các triết lí, nhân sinh quan về cuộc đời hay bài học làm người, bài học về đối nhân xử thế với ý nghĩa nhắc nhở người đời hành xử sao cho hợp lý, hợp tình với mọi hoàn cảnh, điều kiện cụ thể.

Tục ngữ Hàn đề cao đạo lí hiếu thuận của con cái đối với cha mẹ: 소 잡아 제사 지내려고 말고, 살아서 닭 잡아 봉양하랬다 (*Đừng mổ bò cúng giỗ, hãy mổ gà phụng dưỡng khi cha mẹ còn sống*). Đạo lí này bắt nguồn từ ảnh hưởng của Nho giáo với giáo lí: tam cương (quân thần cương, phụ tử cương, phu thê cương), ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) (Hoàng Thị Yên, 2021). Tương tự, người Việt cũng luôn răn dạy con cái phải biết ơn, giữ tròn đạo hiếu với cha mẹ: *Uống nước nhớ nguồn, Công cha như núi Thái Sơn/Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra/Một lòng thờ mẹ kính cha/Cho tròn chữ hiếu mới tròn đạo con...* Bên cạnh đó, tục ngữ Việt còn đề cao yếu tố đạo đức: *Giàu tiền, giàu ruộng, giàu trâu/Mà nghèo đạo đức khó lâu khó bền...*

Tục ngữ Hàn khuyên con người nên chăm chỉ, chịu khó làm việc, kiếm sống và sống tiết kiệm, tránh tiêu pha lãng phí: 소 같이 벌어서 쥐 같이 먹어라 (*Hãy kiếm như bò, ăn như chuột*), 소같이 일하고, 쥐같이 먹어라 (*Hãy làm như bò, ăn như chuột*)...; chỉ cần chăm chỉ, kiên trì là sẽ đạt được thành công: *걸음새 뜬 소가 천리를 간다 (Bò bước chậm cũng đi được ngàn dặm)*... Người Việt Nam cũng có quan điểm tương tự khi cho rằng: *Có công mài sắt có ngày nên kim*.

Mặt khác, tục ngữ Hàn cũng khuyên nhủ con người không nên làm việc quá sức trong thời gian dài bởi sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe, thậm chí có thể bị chết do suy kiệt: 소털같이 많은 날에 일만 하다 죽는다 (*Cứ làm việc với số ngày nhiều ngày như lông bò thì rồi cũng chết*). Bên cạnh đó, một số câu tục ngữ khác lại phản ánh quan điểm khá hiện đại khi khuyên con người không nên sống quá tằn tiện mà phải biết hưởng thụ cuộc sống: 큰 소만큼 벌면, 큰 소만큼 쓴다 (*Kiểm tiền như bò lớn, tiêu pha như bò lớn*)...

Người Hàn Quốc cho rằng một khi đã bắt tay vào làm việc thì cần phải làm đến cùng, có như vậy mới đạt được thành công: 쇠뿔도 손땀을 때 뿔아야 한다 (*Đã đụng tay vào*

sừng bò thì phải nhổ); khi làm việc, nếu không dồn tâm huyết thì cũng sẽ thành công cốc: 남의 소를 세는 소몰이다 (*Đém bò nhà người khác*); cũng như đừng bỏ lỡ những cơ hội tốt, cần phải biết tận dụng thời cơ để chuyển thành hành động ngay: 쇠뿔도 단김에 빼고, 호박떡도 더운 김에 먹으랬다 (*Nhổ sừng bò thì nhổ một hơi, bánh bí ngô thì nên ăn khi nóng*)... Tục ngữ Hàn cũng đưa ra những bài học giáo huấn, cảnh báo con người cần có năng lực quyết đoán, nhanh nhạy mới có thể cứu vãn được những tình thế cấp bách, “ngàn cân treo sợi tóc” như trường hợp: 도살장에서 불쌍한 소를 잡지 말라는 격이다 (*Như ngăn không bắt giết bò tội nghiệp ở lò mổ*) có ý nghĩa khuyên răn việc cần làm thì phải hành động ngay vì đã ở giây phút sinh tử (Hoàng Thị Yên & Võ Thị Minh Hà, 2020).

Để đạt được sự thành công, đôi khi chỉ bằng sức mình không thôi chưa đủ, mà cần phải có sự giúp đỡ của người khác và có môi trường phù hợp: 소도 언덕이 있어야 비빈다 (*Bò cũng phải có đồi mới đông*), 도깨비도 숲이 있어야 모이고, 소도 언덕이 있어서 비빈다 (*Có rừng yêu tinh mới tụ, có đồi trâu bò mới đông*)... Nói về sự bù trừ, tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau, tục ngữ Việt Nam cũng có câu: *Trâu béo kéo trâu gầy*. Cũng như người Hàn Quốc, người Việt Nam khuyên không bỏ lỡ cơ hội tốt hay không nên để sự việc gì đó quá lâu bởi sẽ giảm bớt đi hiệu quả, tầm quan trọng của sự việc, thậm chí có thể thay đổi bản chất vấn đề: *Cắt trâu để lâu hóa bùn*. Thói thường nhiều khi lại không nhận ra được bản chất sự việc, lúc có nhiều thì chê ông chê eo, nhưng khi không có, túng thế lại chấp nhận cả những thứ tầm thường: *Nước giữa dòng chê trong, chê đục/Vũng trâu đầm hi hục khen ngon*. Ngoài ra, tục ngữ Việt Nam còn khuyên răn làm việc gì cũng phải có mức độ, nếu gò ép, bóc lột bí bách quá sẽ dẫn tới phản ứng, chông đỏi như *Buộc trâu trưa nát cọc, buộc trâu trưa nát chuồng* có nghĩa là trâu cày cả trưa mà bị buộc, không cho ăn uống thì nhất định sẽ phá cọc mà đi.

Bài học về cách đối nhân xử thế cũng được nhắc tới trong tục ngữ Hàn Quốc khi khuyên con người cần phải cân nhắc mức độ thân sơ, vai vế của đối tượng trong mối quan hệ xã hội để có cách ứng xử phù hợp, tránh lãng phí như *개 잡아 할 잔치 소 잡아 한다* (*Bắt bò cho tiệc chỉ cần giết chó*), hay tránh tiết kiệm không đúng chỗ vì có thể mang tiếng là keo kiệt hoặc bị chê trách tiếp đãi không chu đáo: *소 잡아 잔치할 것을 새 잡아 잔치한다* (*Bắt chim cho tiệc phải mổ bò*) (Hoàng Thị Yến, 2021). Trong đối nhân xử thế, cũng cần phải biết cách khen ngợi đối phương vì con người ai cũng thích được khen: *소도 대우라면 좋아한다* (*Nếu gọi bò là đại ngu cũng thích*). Ở góc độ sử dụng và quản lý nhân sự, người Hàn Quốc cho rằng không nên chê bai, miệt thị những người bị khuyết tật hay người gốc gác vì họ vẫn có thể làm việc rất tốt: *눈먼 소에 명예가 아홉이다* (*Chín cái vai cày (cái ách) cho con bò mù*), *뜨는 소가 부리기 좋고, 성깔 있는 머슴이 일 잘한다* (*Bò chậm dễ dạy, tá điền thô kệch làm giỏi*); cũng không nên coi thường kẻ yếu vì ngay cả kẻ trông có vẻ yếu thế nhưng vẫn hoàn toàn có thể làm người khỏe phải giật mình: *소파리가 소를 쫓는다* (*Ruồi bò đuổi bò*)... Tuy nhiên, cho dù là người hiền lành, chịu nghe lời thì vẫn phải kiểm soát những hành động vô nguyên tắc của họ bằng quy định, quy tắc: *순한 소도 고삐는 매두랬다* (*Bò thuần cũng phải buộc mũi*); còn người Việt thì cho rằng: *Bé ăn trộm gà, cả ăn trộm trâu, lâu lâu làm giặc* với ý nghĩa giáo huấn không nên coi thường dù chỉ là một lỗi nhỏ vì đó có thể là mầm mống của những hậu họa khôn lường sau này. Do vậy, cần phải nuôi dạy con người ngay từ đầu một cách chu đáo, tránh mọi thói hư tật xấu.

Trâu/bò là tài sản quý giá của gia đình nhà nông và cũng là sản phẩm thương mại có giá trị cao trên thị trường. Tuy nhiên, trong buôn bán thì giá trị của trâu/bò có thể lên xuống tùy vào từng thời điểm. Bởi vậy mà tục ngữ Hàn khuyên: *여름 소는 파는 사람이 이롭고, 겨울 소는 잡는 사람이 이롭다* (*Bò mùa hè thì người bán có lợi, bò mùa đông thì*

người bắt có lợi), *살림이 거덜나게 되면 봄에 소 판다* (*Nếu kinh tế cạn kiệt thì bán bò vào mùa xuân*) lý do là vì 겨울 소 값은 떨어지고 봄 소 값은 오른다 (*Mùa đông giá bò giảm, Mùa xuân giá bò tăng*)... Người Hàn quan niệm chất lượng hơn số lượng: *소고기 열 점이 새고기 한 점만 못한다* (*Thịt bò mười điểm không bằng thịt chim một điểm*), vì vậy mà chó nên để mắt tới đồ rẻ: *서푼짜리 소는 이빨도 들쳐보지 말랬다* (*Bò ba xu thì đừng nhìn răng*). Trong khi đó, người Việt Nam cho rằng một trong những điều quan trọng trong buôn bán làm ăn chính là phải biết giữ chữ tín, không thể thất hứa hay “ăn xôi ở thì” được. Nếu thiếu nợ thì phải trả nợ, mua chịu thì nhớ trả, chứ không nên ăn quỵt bởi *Mất trâu thì lại tâu trâu/Những quân cướp nợ có giàu hơn ai*. Những người buôn bán khôn ngoan thì chẳng bao giờ: *Mua trâu, bán trả hay Mua vải bán áo*, nghĩa là đầu tư lớn nhưng thu lời về nhỏ giọt, không tương xứng với số vốn đã bỏ ra. Tục ngữ Việt cũng khuyên người buôn bán phải biết tính toán, đặc biệt là tính toán kỹ càng, không nên: *Bán bò tâu ẽnh ương, Bán bò mua dê về cày*... (Trần Quang Diệu, 2009).

Triết lý nhân sinh quan của người Hàn Quốc cũng được thể hiện khá phong phú thông qua tục ngữ. Người Hàn cho rằng người tuổi Sửu thì thường vất vả: *소띠는 일이 되다* (*Tuổi Sửu vất vả, nhiều việc*). Ngoài ra, thời điểm sinh cũng quyết định số khổ hay nhàn hạ: *봄 소띠는 고되고, 겨울 소띠는 편하다* (*Người tuổi Sửu sinh mùa xuân thì khổ, sinh mùa đông thì nhàn*).

Người Hàn Quốc cho rằng đã là bần sinh thì không thể thay đổi được gì: *소나 말이 기린 될까?* (*Trâu hay ngựa sao thể trở thành hươu cao cổ?*); số phận đã định sẵn thì khó thay đổi, ví dụ như người giàu thì sống sung sướng còn người nghèo thì sống khổ: *소 힘은 쇠 힘이고, 새 힘은 새 힘이다* (*Sức trâu thì vẫn là sức trâu, sức chim thì vẫn là sức chim*). Người Việt cũng có quan điểm tương tự: *Con vua thì lại làm vua/Con vãi ở chùa đi quét lá đa*. Tuy nhiên, người Hàn

Quốc cũng có cái nhìn khá lạc quan về cuộc sống và số phận: sống ở trên đời có thể gặp chuyện tốt hoặc chuyện xấu: 가다 보면 중도 보고 소도 본다 (*Đi ra ngoài thì có lúc gặp sự, có lúc gặp bở*); gặp khó khăn, bế tắc nhưng cũng sẽ có cách để giải quyết được hay nói cách khác, tục ngữ Hàn khuyên con người ta nên sống lạc quan: 하늘이 꺼져도 소도 망칠 구멍이 있다 (*Cho dù trời sập thì cũng có lỗ để bò chạy*). Niềm tin như vậy có thể nhận thấy sự tương tự trong tư tưởng của người Việt Nam: *Sống có khúc, người có lúc; Trời không tuyệt đường sống của ai...*

Ngoài ra, Người Hàn tin rằng dù cha mẹ không giỏi giang nhưng con cái vẫn có thể sẽ thành đạt: 나쁜 소도 좋은 송아지를 낳는다 (*Bò xấu cũng sinh bê đẹp*), 못한 소도 좋은 송아지를 낳는다 (*Ngay cả những con bò xấu xí cũng sinh ra những con bê đẹp*). Với mục đích khuyên răn con người hướng tới cái thiện, tục ngữ Hàn Quốc có quan điểm cho rằng ngay cả những người bất lương, nếu được giáo dục, nuôi dưỡng tốt thì vẫn có thể trở thành người tốt: 뜨는 소도 부리기에 달렸다 (*Bò chậm cũng tùy người điều khiển*). Tuy nhiên, kẻ gây tội thì bắt buộc phải chịu sự trừng phạt mà không thể né tránh: Bò uống nhiều nước thì đi tiểu nhiều, 날뛰는 소는 새끼로 묶어서는 안 된다 (*Bò đang nháy mà buộc bằng dây thừng thì không ổn*)...

Trong đời sống nhà nông, con trâu/bò được ví như sản nghiệp, tài sản quý giá. Người Hàn Quốc quan niệm muốn làm giàu thì phải nuôi trâu /bò: 소 먹이기가 힘들어도, 팽이질 하기보다는 낫다 (*Nuôi bò vất vả nhưng vẫn hơn cuốc ruộng*), 되는 집에는 암소가 셋이고, 안 되는 집에는 계집이 셋이다 (*Nhà khá giả ba bò cái, nhà nghèo ba con gái*), nghĩa là trong gia đình khá giả, nếu bò cái có nhiều thì chúng sẽ sinh đẻ nhiều và cuộc sống sẽ giàu có hơn, nhưng trong gia đình có nhiều con gái thì gia đình sẽ sớm lụi bại vì bất hòa. Điều này cho thấy người Hàn Quốc đề cao tầm quan trọng của việc sở hữu nhiều trâu/bò trong gia đình.

Nhắc đến con trâu là “đầu cơ nghiệp”, người Việt cũng cho rằng muốn làm giàu thì phải nuôi trâu, đặc biệt là trâu nái vừa cày vừa sinh sản, nhà nào bán được trâu giống là sẽ có cơ hội giàu có: *Muốn giàu nuôi trâu nái, muốn lụi bại nuôi bò cái*.

Giá trị giáo huấn trong tục ngữ Hàn có yếu tố chỉ con trâu/bò còn được gửi gắm thông qua quan niệm của người Hàn về tâm linh, sự kiêng kỵ mang màu sắc duy tâm: 소가 새끼 나면 원 새끼를 외양간에 쳐서 부정을 막는다 (*Bò đẻ chằng dây vàng ở chuồng ngăn được điềm xấu*); 소가 새끼 난 지 사흘 안에는 외양간에 타인은 못 들어가게 한다 (*Trong ba ngày bò đẻ, không để người lạ vào chuồng*); 소가 새끼 난 지 이레 안에 상주가 외양간에 가면 부정 탄다 (*Trong bảy ngày bò đẻ, người có tang đến chuồng bò thì không tốt*); 소가 새끼 날 때 여자가 보면 나쁘다 (*Khi bò đẻ, nếu con gái nhìn thì không tốt*); 새해 들어 첫 소날 맷돌방아를 쪼면 가축이 안 된다 (*Ngày sừ đầu năm mới, nếu giã chày cối đá thì gia súc không tốt*); 소 뼈를 집안에 매달아 놓으면 잡귀가 못 들어간다 (*Treo xương trâu bò ở nhà thì ma quỷ không thể vào được*)... Tương tự, tục ngữ Việt Nam có yếu tố chỉ con trâu cũng nói tới vấn đề mang yếu tố tâm linh, kiêng kỵ như: *Trâu trắng đến đâu mát mùa đến đấy; Đi đến đâu không chết trâu cũng mẽ riu; Làm nhà năm kim lâu, không chết trâu cũng chết bò; Ngày một, ngày sáu, ngày tám kim lâu/Làm nhà, cưới vợ, tậu trâu thì đừng...*

3.1.2. Giá trị truyền kinh nghiệm

Trâu/bò là nền tảng, kế sinh nhai chính của nhà nông. Kinh nghiệm về chọn giống, chăn nuôi trâu/bò là những kiến thức vô cùng quý báu đối với người nông dân. Chính vì vậy, có thể dễ dàng nhận thấy số lượng câu tục ngữ Hàn Quốc có ý nghĩa chỉ kinh nghiệm nuôi dưỡng trâu/bò chiếm tỉ lệ lớn. Các kinh nghiệm liên quan tới chăn nuôi trâu/bò khá đa dạng, phong phú và được miêu tả khá rõ nét trong các ngữ liệu tục ngữ có yếu tố chỉ trâu/bò. Theo Hoàng Thị Yến và Bùi Thị Thúy Nga (2021), kinh nghiệm chăn

nuôi trâu/bò trong tục ngữ gồm: (1) kinh nghiệm chọn giống trâu/bò: 소는 빨만 봐도 안다 (*Bò thì nhìn sừng là biết*), 입 큰 소가 살이 찢다 (*Bò mồm rộng thì béo*)...; (2) kinh nghiệm nuôi dưỡng trâu/bò, chăm trâu/bò ăn uống: 여물 마다는 소 없고, 물 마다는 말 없다 (*Không có bò chê rơm, không có ngựa chê nước*)...; (3) kinh nghiệm chọn môi trường sống (bãi chăn và nơi ở, chuồng trại) cho trâu/ bò bởi môi trường sống có tác động, ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe, quá trình hình thành và phát triển của trâu/bò: 소새끼는 제주도 보내고, 사람새끼는 서울로 보낸다 (*Gửi bò đến Cheju, gửi con đến Seoul*), 소도 언덕이 있어야 비빈다 (*Bò cũng phải có đồi cỏ mới đông*); (4) kinh nghiệm huấn luyện, quản lý bò: 정월 열나흘 날 해 뜨기 전에 동쪽으로 뺐은 복숭아가지로 둥근 고리를 만들어 소머리에 걸어주면 물 것이 덤비지 않는다 (*Ngày mười bốn rằm tháng giêng, trước khi mặt trời mọc, lấy cành đào vươn về phía đông làm thành vòng nhỏ, treo trên sừng bò thì bò không cắn, không tấn công*)...; (5) kinh nghiệm phòng chữa bệnh cho trâu/bò: 쇠병이 유행할 때는 박하.장뇌.사향 등을 천에 싸서 소머리에 달아준다 (*Khi trâu bò có dịch, gói bạc hà, long não, xạ hương treo lên đầu bò*)...

Trâu/bò là tài sản quý giá của nhà nông. Vì vậy, tậu con trâu hay bò đều là việc hết sức quan trọng. Người Việt khuyên mua trâu bò thì nên mua ở một vài địa phương có trâu tốt như: *Cổng làng Tò, trâu bò làng Hệ* (làng Hệ, xã Thụy Ninh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình). Thời điểm thích hợp để mua trâu là vào những tháng đầu năm, thường gắn với lịch công vụ: *Tháng hai đi tậu trâu bò/Cày cho đất ải mạ mùa ta gieo, Tháng tư đi tậu trâu bò/Để ta sấm sủa làm mùa tháng năm*... Muốn có trâu tốt, cày khỏe thì quan trọng là phải biết chọn trâu giống: *Mua trâu xem sừng, mua chó xem chân; Mua trâu xem vó, lấy vợ xem nòi; Trâu cổ cò, bò cổ vại*... Trâu khỏe là trâu có sừng to, cân đối, cổ dài. Còn bò khỏe là loại bò cổ ngắn và to. Thậm chí,

tục ngữ Việt Nam còn mô tả chi tiết những tiêu chí chọn trâu như: *Lưng tôm tít/ Đít tôm càng hay Dạ bình vôi/Mắt ốc nhồi/Mồm gàu dai/Tai lá mít/Đít lông bàn*... Người Việt khuyên nên tránh mua trâu trắng vì: *Trâu trắng đến đâu mắt mùa đến đấy*; hay không nên chọn: *Trâu nghiêng hàm, bò bạch thiết*... Con trâu là phương tiện không thể thiếu được với nhà nông Việt Nam, vì vậy người nông dân buộc phải đưa ra sự lựa chọn phù hợp khi làm thịt trâu, đó là chọn: *Thịt trâu gầy, cày trâu béo*. Ngoài ra, người Việt còn khuyên nên ăn thịt trâu cùng tỏi mới ngon: *Ăn thịt trâu không tỏi như ăn gỏi không rau mơ*.

Tục ngữ Hàn cũng chứa đựng những kinh nghiệm của người dân Hàn Quốc về cách nhận biết thời tiết: *동상갑에 비가 오면 우마가 동사한다* (*Ngày đông thượng giáp trời mưa thì trâu ngựa chết cồng*) có nghĩa là thời tiết sẽ lạnh giá nếu có mưa vào ngày giáp đầu tiên sau lập đông; *동쪽 놀에는 냇가에 소를 매지 말랬다* (*Đừng buộc bò ở bờ suối khi có ráng đông*) có nghĩa là ráng đông xuất hiện là dấu hiệu sẽ có mưa lũ, vì vậy không nên buộc trâu bò bên bờ suối hay sông; *서쪽에 무지개가 뜨면 강 건너 소 물고 오랬다* (*Cầu vòng mọc hướng tây thì xưa bò sang sông*) có nghĩa là cầu vòng xuất hiện ở hướng tây là dấu hiệu cho thấy có mưa lớn, lũ về, nên lùa bò về chuồng... Bằng khả năng quan sát, người xưa đã chỉ ra sự liên hệ giữa hành động của trâu/bò với dấu hiệu của thời tiết. Trong tục ngữ tiếng Hàn: *밭갈이하는 소가 밭을 훑으면 비가 온다* (*Bò cày ruộng liếm chân thì trời mưa*); *소가 산에서 낮은 곳으로 내려오면 뇌우가 온다* (*Bò từ trên núi xuống chỗ thấp là có mưa và sấm sét*); *송아지 울음소리가 크면 비가 온다* (*Tiếng bê kêu to thì trời sẽ mưa*)... Tương tự, trong tục ngữ, thành ngữ tiếng Việt, các đơn vị có giá trị truyền kinh nghiệm về thời tiết cũng khá phong phú, ví dụ như: *Chuồn chuồn bay thấp thì mưa/Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm*... Tuy nhiên, chúng tôi không phát hiện đơn vị tục ngữ nào có yếu tố chỉ trâu/bò mang ý nghĩa tương tự.

Giáo huấn, truyền kinh nghiệm là những giá trị nổi bật của tục ngữ các dân tộc trên thế giới. Đó là những bài học về thái độ ứng xử, đạo đức, là những quan điểm về gia đình, cuộc sống, sự nghiệp... được người xưa đúc kết và truyền lại với mục đích mong muốn hướng tới một cuộc sống tốt đẹp hơn, con người yêu thương nhau hơn.

3.2. Giá trị phê phán, châm biếm

Giá trị phê phán, châm biếm của tục ngữ Hàn có yếu tố chỉ con trâu/bò thể hiện rõ thái độ lên án, chế giễu đối với những tính cách xấu của một bộ phận người dân. Đó là tính cách ngoan cố, bướng bỉnh, thiếu linh hoạt thông qua các hình ảnh: 황소고집 (*Bò vàng cố chấp*), 고집이 소 고집이다 (*Cố chấp như bò*), 소 같고 곰 같다 (*Cố chấp như bò, ngu như gấu*)... Thậm chí, người Hàn còn phê phán những kẻ bảo thủ, ngang bướng đến cực độ bằng cách nói cường điệu hóa: 만 마리의 소도 못 당할 고집이다 (*Ngoan cố đến mức vạn con bò cũng không thể địch nổi*) và phê phán cao độ sự ngu dốt, đần độn với hình ảnh liên tưởng: 소 귀에 경읽기다 (*Đọc kinh tai bò*), 쇠귀에 북소리다 (*Tiếng trống tai bò*), 쇠귀에 염불하기다 (*Niệm Phật tai bò*) có nghĩa là với những người chậm hiểu thì nói nhiều cũng không tiếp thu được gì. Tương tự, trong tiếng Việt cũng có câu: *Đàn gảy tai trâu, Nước đổ đầu vịt, Nước đổ lá khoai*... Ở khía cạnh khác, người Hàn cũng cho rằng dù có khỏe mạnh tới đâu nhưng nếu không có trí tuệ, đầu óc thì cũng không thể sống lâu, không thể làm tướng được. Ví dụ như câu tục ngữ 송아지에게 천자 가르치기다 (*Đạy thiên tử cho bê*) ý nói chế giễu, cho dù có cố gắng dạy dỗ nhưng đã là người tối dạ, đần độn thì cũng không có ích gì. Tương tự, người Việt cũng chế cười kẻ ngu dốt với hình ảnh của bò: *Ngu như bò*, hay mỉa mai những kẻ ngu ngốc, thiếu sáng suốt: *Trâu chậm uống nước đục, Trâu chậm uống nước dơ/Trâu ngơ ăn cỏ héo*...

Tục ngữ Hàn chỉ trích, lên án những người có những tính xấu khác như: thái độ kiêu căng, ngạo mạn, tự cao tự đại: 기운이

세다고 황소가 왕 노릇할까? (*Bò mộng kiêu khoe mình khỏe liệu có làm vua được?*), 대감댁 소는 범 무서운 줄 모른다 (*Bò nhà quan không biết sợ hổ*); chỉ trích thói tự phụ, ảo tưởng về sức mạnh và cảnh báo những kẻ kiêu căng thì sớm muộn cũng sẽ nhận thất bại; phê phán tính cách hung hăng, dữ tợn: 누워서 찌르는 소다 (*Bò nằm cũng đâm chọc*), 느린 소도 성낼 때가 있다 (*Bò chậm cũng có lúc nổi giận*)... Trong khi đó, tục ngữ Việt có câu: *Đàn bầu mà gảy tai trâu/Đàn đầu bắn sẻ, guơm đầu chém ruồi*. Người Việt sử dụng hình ảnh *Đầu trâu, mặt ngựa, Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã*... để chỉ trích những hạng người ba trợn, côn đồ, dữ tợn. Ngoài ra, người Việt còn phê phán thói tham lam hoặc lợi dụng nhược điểm, sự suy yếu của người khác: *Trâu lành không ai mặc cả, trâu ngã lăm kê cầm dao*...

Bên cạnh đó, trong tiếng Hàn, còn có các hình ảnh: 밭같이 못하는 소가 멍에 나무란다 (*Bò không biết cày ruộng mắng vai cày*): phê phán người thiếu năng lực, không hoàn thành được công việc lại đổ trách nhiệm sang người khác; 섬 속에서 소 잡는다 (*Bắt bò trong đảo*): phê phán những người không có chính kiến; 소털 뽑아 제 구멍을 박기다 (*Nhổ lông bò rồi cắm đũa lỗ đó*): chế giễu người không linh hoạt, cứng nhắc... Còn người Việt lại dùng hình ảnh *Trâu lăm vẩy càn* để chỉ kẻ có lỗi trốn tránh trách nhiệm, vu oan cho người khác và hình ảnh *Đẽo cày giữa đường* để châm biếm, mỉa mai người hay thay đổi chính kiến.

Người Hàn phê phán sự vô cảm, không quan tâm đến người và vật/sự vật xung quanh: 소 닭 보듯 한다 (*Như bò nhìn gà*), 소가 개 보듯 한다 (*Như bò nhìn chó*); châm biếm những người còn ít tuổi hay ít tiếp xúc nên tầm nhìn còn hạn chế: 큰 소를 못 본 사람은 송아지도 크다고 한다 (*Người chưa từng gặp con bò lớn thì nhìn thấy bê cũng khen to*)... Còn tục ngữ Việt thì chỉ trích thói cơ hội, vô tâm, chỉ biết lo cho bản thân mình: *Trâu chết mặc trâu/Bò chết mặc bò/Củ tôi giắt lưng*; phê phán thói tham lam thông qua

hình ảnh cái bụng vô độ của chó và trâu: *Com đầu no bụng chó, cỏ đầu no bụng trâu* (Vũ Văn Lâu, 2021); lên án kẻ lợi dụng nhược điểm, sự suy yếu của người khác: *Trâu lành không ai mặc cả, trâu ngã lằm kẻ cầm dao*; chê trách một cách hài hước mà không kém phần sâu cay những người “thích thể hiện” những gì không đúng với mình: *Mài sừng cho lằm cũng là trâu...*

Ngoài ra, người Hàn còn tỏ rõ thái độ phê phán đối với thói giả dối của những người có hành vi buôn bán gian lận: *쇠 대가리 걸어 놓고 말고기 판다* (*Treo đầu bò bán thịt ngựa*). Tương tự, người Việt cũng cho rằng người buôn bán phải biết giữ đạo đức trong kinh doanh và không thể chấp nhận một ai đó làm ăn theo kiểu: *Treo đầu dê bán thịt chó, Bán mặt چرا giả làm cá, Bán mướp đắng giả làm bầu...* Bên cạnh đó, những thói hư tật xấu trong cuộc sống hàng ngày cũng là đối tượng bị phê phán, chỉ trích thông qua tục ngữ hai nước. Nếu người Hàn mỉa mai châm biếm thói đưa chuyện của người phụ nữ: *소 앞에서 한 말은 안 나도, 어미한테 한 말은 난다* (*Không nói với bò nhưng nói với mẹ*) có nghĩa là nói với bò thì giữ được bí mật còn nói với phụ nữ thì họ sẽ đưa chuyện; thì người Việt lại chỉ trích mối quan hệ mâu thuẫn, bất hòa, thậm chí đôi khi còn xảy ra xô xát giữa chị em dâu trong quan hệ gia đình: *Chị em dâu nấu đầu trâu thúng nôi...*

Nếu tục ngữ có yếu tố chỉ trâu/bò của Hàn Quốc không nhắc tới thói xấu cờ bạc thì tục ngữ Việt Nam lại mượn hình ảnh con trâu để phê phán thói cờ bạc dễ dẫn đến mất mát, tiêu tan tài sản, tan vỡ gia đình: *Đánh bạc mất trâu/Đánh bài mất vợ*; thậm chí còn khiến cho bản thân và người thân phải gặp những chuyện đau buồn, khổ sở: *Nước nguồn chảy xuống soi đầu/Thấy anh đánh bạc, lừa trâu đi cày/Cầm trâu, cầm áo, cầm khăn/Cầm dây lưng lụa, xin đừng cầm em...* Thói nghiện ngập cũng bị lên án gay gắt trong xã hội bởi nghiện ngập có thể làm tan nát cơ nghiệp; ví như trước đây là nghiện trà, nghiện thuốc đến mức phải bán cả trâu bò, ruộng vườn –

thứ gia sản quý giá và có giá trị nhất của người nông dân: *Ăn thuốc bán trâu, ăn trâu bán ruộng*.

Trong xã hội xưa, người nông dân có vị thế yếu kém trong xã hội và luôn phải chịu nhiều tầng áp bức. Người Hàn ví von cái nghèo của người nông dân thậm chí còn không bằng con vật: *가난이 소새끼만도 못하다* (*Nghèo không bằng bê con*); dùng hình ảnh con của con bò để nói tới cái nghèo, cái vất vả của người nông dân: *가난이 쇠아들이다* (*Nghèo là con của bò*); phê phán cuộc sống sung sướng, thuế nặng khiến người dân phải bỏ nghiệp làm ruộng: *농우 팔아 세금 내고, 집 헐어 불 켜다* (*Bán bò cày ruộng để trả thuế, phá nhà đốt nát để đốt củi*)... Tương tự, tục ngữ Việt Nam cũng lên án cuộc sống bị thống trị, chèn ép, kìm kẹp của người nông dân: *Cương ngựa ách trâu*; ví thân phận hèn kém, phải hầu hạ người khác với hình ảnh: *Làm thân trâu ngựa* và vị thế yếu kém của người nông dân trong xã hội cũ với hình ảnh: *Trâu đập cũng chết, voi đập cũng chết...*

Qua tục ngữ có yếu tố chỉ trâu/bò, người Hàn Quốc chỉ trích, châm biếm những thói hư, tật xấu của con người bằng tiếng cười trào phúng, khuyên răn con người không nên có những hành động thiếu sáng suốt, không khôn ngoan bởi chúng sẽ gây hậu quả nghiêm trọng; đồng thời phê phán cuộc sống bất công, áp bức người nông dân xưa. Các câu tục ngữ có giá trị phê phán và châm biếm chính là vũ khí đấu tranh giai cấp đối với những tiêu cực trong xã hội mà dân tộc Hàn sử dụng nhằm mưu cầu xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn.

4. KẾT LUẬN

Có thể nói, trâu/bò là một trong những con vật được nhắc đến nhiều nhất trong tục ngữ của Hàn Quốc. Điều này được bắt nguồn từ mối quan hệ gắn bó giữa người nông dân với con trâu/bò ngay từ thuở xa xưa khi biết dùng sức của trâu/bò vào nông nghiệp cũng như tình cảm đặc biệt của người nông dân dành

cho con trâu/bò, con vật đã gánh vác thay họ những công việc nặng nhọc nhất. Ngôn ngữ tục ngữ có hình ảnh con trâu/bò thể hiện đầy đủ các khía cạnh của văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần. Nói đến trâu/bò là nói đến nền sản xuất nông nghiệp và văn hoá làng xã. Hình ảnh trâu/bò trong tục ngữ là hình ảnh dùng để so sánh, ẩn dụ nên nó có ý nghĩa hành ngôn, thể hiện những nhận xét của tác giả dân gian về con người, cuộc đời và các mối quan hệ nhân sinh (Lê Đức Luận, 2009). Từ đó, hình ảnh con trâu/bò trong ca dao, tục ngữ đã trở thành một kho tàng sống động về sinh hoạt làng quê và phong tục tập quán gắn với nghề nông truyền thống. Qua ngữ liệu tục ngữ có yếu tố chỉ trâu/bò, có thể thấy một số điểm tương đồng và nét khác biệt trong cách nghĩ, cách cảm của người Hàn Quốc và Việt Nam. Những giá trị biểu trưng tiêu biểu như giá trị giáo huấn và truyền kinh nghiệm, giá trị phê phán và châm biếm... đã phần góp phần truyền tải những bài học đạo lý làm người, cách xử thế mang tính chất giáo dục cho nhiều thế hệ, cũng như khẳng định sức ảnh hưởng của con trâu/bò trong văn hóa của người Hàn Quốc và người Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Beon Loma. (2009). *Nghiên cứu tính biểu trưng trong tục ngữ chỉ động vật của tiếng Hàn* (Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Keonguk, Hàn Quốc).
- Hoàng Thị Yên & Hoàng Thị Hải Anh. (2019). Đặc điểm tín hiệu thẩm mỹ của tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con giáp. *Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài*, Số 35(2), 103-115.
- Hoàng Thị Yên & Võ Thị Minh Hà. (2020). Giá trị giáo huấn của tục ngữ so sánh tiếng Hàn (trọng tâm là các đơn vị có yếu tố chỉ con giáp). *Tạp chí Khoa học – Trường Đại học Mở Hà Nội*, Số 67(5/2020), 10-20.
- Hoàng Thị Yên. (2021). Tam quan của người Hàn Quốc qua tục ngữ có yếu tố chỉ con trâu/bò. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, Số 1(239) – 1/2021, 70-78.
- Hoàng Thị Yên & Bùi Thị Thúy Nga. (2021). Hình ảnh 𪛗 so trong tục ngữ tiếng Hàn và con trâu, con bò trong tục ngữ tiếng Việt (từ góc nhìn của văn hóa nông nghiệp). *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, Số 1/2021, 95-105.
- Hoàng Thị Yên, Nguyễn Thùy Dương, Đỗ Phương Thùy, & Hoàng Thị Hải Anh. (2021). Hình ảnh biểu trưng mang sắc thái tiêu cực của con giáp là vật nuôi trong tục ngữ tiếng Hàn và tiếng Việt. *Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài*, Tập 37, Số 2 (2021), 182-198.
- Hoàng Văn Hành. (2003). *Thành ngữ học tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.
- Lê Đức Luận. (2009). Con trâu trong ngôn ngữ ca dao. *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, Số 1+2(159+160)-2009, 58-60.
- Lê Thị Thu Hương. (2015). *Thành ngữ, tục ngữ Hàn Quốc nói về động vật và thực vật (một vài so sánh với Việt Nam)* (Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn – Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội).
- Nguyễn Lâm. (2016). *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*. Đà Nẵng: Nxb Đà Nẵng.
- Son Sun Yeong. (2015). *So sánh biểu trưng của 12 con giáp trong tục ngữ Việt Nam và Hàn Quốc* (Luận văn thạc sĩ, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội).
- Trần Quang Diệu. (2009). *Nghề buôn xưa qua tục ngữ, ca dao*. Truy cập ngày 15/04/2022, từ: <https://baocantho.com.vn/nghe-buon-xua-qua-tuc-ngu-cao-dao-a20390.html>
- Vũ Ngọc Phan. (2008). *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Văn học.
- Vũ Văn Lâu. (2021). *Thành ngữ, tục ngữ, ca dao về trâu*. Truy cập ngày 15/02/2022, từ: <http://vannghe.ninhbinh.gov.vn/vannghe-dan-gian/thanh-ngu-tuc-ngu-cao-dao-ve-trau-1044.html>